

LỜI TỰA

BÁCH LUẬN

Thích Tăng Duệ làm

Bách luận đó là bến neo thông đến tâm Thánh, là luận bàn chính khai mở chân đế.

Phật nhập Niết-bàn sau tám trăm năm có vị Đại-sĩ xuất gia, tên gọi Đề-bà. Có tâm huyền diệu, một mình tỏ ngộ, khí chất thông minh, đức hạnh cao sáng, nổi tiếng truyền đạo đương thời, thần siêu cả “Thế biểu”. Cho nên, có thể mở nhiều lớp cửa của kho ba Tạng, lấp đường tối tăm của mười hai môn, khéo chuyên tiếp cận Ca-di, vì hào sâu, vật thẳm của Pháp.

Thời ấy, ngoại đạo nhiều loạn, lăm mối cạnh tranh, biện tà ép chân, nã phiền Chánh đạo, ngưỡng lên trông thì Thánh giác trì trệ, ngược xuống thì mọi người mê hoặc, xốn xao mong muốn cứu cái khổ trầm luân từ xa mà Ngài tạo nên Luận này. Đó là vì để phòng hộ lối Chánh, lấp bỏ nẻo tà, làm sáng thêm Tông chỉ tối cao vậy. Vì thế, Chánh hóa trị hưng long, thì tà đạo truất phế, chẳng làm nêu cao các diệu thì ai có thể như đây!

Luận có một trăm kệ, nên lấy Bách làm tên. Lý huyền diệu tận nguồn, thâm tóm điểm chính của các sách, ý chỉ văn rõ ràng, thật là tác phẩm hoàn mỹ, vừa sâu vừa gọn, hiếm có như vậy.

Có Khai-sĩ-bà-tẩu tuệ sáng, học rộng, suy nghĩ sâu xa, lời bạt hiếm có, xa khế lẽ huyền làm lời huấn thích, khiến cho nghĩa u uẩn sáng ở vi diệu, phong vị tuyên bày như dòng mang theo lá bối, văn

mạch lạc rõ ràng, nẻo tông chỉ dễ hiểu, để làm luận. Ngôn từ mà không phải ngôn từ, phá mà không chấp, chợt nhiên mà chẳng gì không căn cứ, mà sự không mất chân, thẳng vậy mà không dựa và lý tự nhiên hội nhập nhiệm mầu. Thật là con đường trở về chốn xưa, giữ lấy mà bồi đắp.

Có Sa môn Cưu Ma La Thập, người nước thiên Trúc, khí chất rộng sâu, thần ý siêu phàm, nhiều năm mền mộ luận này lấy làm tâm yếu mà chuyển dịch, khiến cho vị thường chẳng thể lường kia không mất. Thoạt đầu, tuy đích thân giải thích nhưng ngôn ngữ địa phương hạn chế, e khiến người suy nghĩ tìm tòi do dự lằm vằm, người đề cao vị thứ, trái lối trở về, bèn đại tấu Quan Ty Lục Uy An Thanh Hầu Diêu Cao, có phong cách thanh cao, tâm thành giản lược thành hay, khiến cho bác thông nội ngoại, lý, tư đều thông, trẻ thích đại đạo, lớn thêm gia sức. Tuy công việc hình thức còn luộm thuộm, mà lời pháp chẳng vụn vè, mỗi lần cầm đến Huyền văn, lòng cảm khái nặng trĩu. Cho nên, năm Thọ Tinh - Hoàng Thủy thứ sáu tập họp các Sa môn chung chí hướng cùng nhật nhạn bản chính, chỉnh chu số lại, để cho ý luận vẫn giữ, có chất mà không thô sơ, đơn giản mà diễn giải nhất định. Tức là đến tận cùng tông chỉ, không còn xen tạp vậy.

Luận gồm hai mươi phẩm, mỗi phẩm có năm kệ. Mười phẩm sau, vì mọi người cho là không ích lợi cõi này (Trung Hoa) nên lược bớt không truyền. Mong người trí thức tường tận mà soi xét!



SỐ 1569

BÁCH LUẬN

Tác giả: Bồ tát Đề Bà.

Hán dịch: Đời Diêu Tần,

Tam Tạng Pháp sư Cưu Ma La Thập.

QUYỂN THƯỢNG

Phẩm 1: XẢ TỘI PHƯỚC

*Đảnh lễ chân Phật cảm Thế Tôn
Trong vô lượng kiếp gánh mọi khổ
Phiền não đã hết, tập cũng trừ
Phạm, Thích, long thần đều cung kính
Cũng lễ Vô thượng chiếu thế pháp
Tịnh trừ vết nhơ, dừng hý luận
Chỗ thuyết của chư Phật Thế Tôn
Và cùng tám bậc Ứng chân Tăng.*

(Bát bối: Tám đấng, chỉ Thánh giả hàng Tứ hướng Tứ quả).

Ngoại viết: Kệ nói về chỗ thuyết giảng của Đức Thế Tôn. Những gì là Thế Tôn?

Nội viết: Vì sao ông sinh nghi hoặc như vậy?

Ngoại viết: Vì nhiều thuyết nói về tướng Thế Tôn nên sinh nghi. Có người nói: Trời Vi Nữ (Đời Tần gọi là Biến Thắng Thiên) gọi là Thế Tôn. Lại nói: Trời Ma-hê-thủ-la (Đời Tần gọi là Đại Tự Tại Thiên) gọi là Thế Tôn. Lại nói: Các Tiên nhân: Ca-tỳ-la, Ưu-lâu-ca, Lạc-sa-

bà... đều gọi là Thế Tôn. Ông lấy gì mà nói chỉ một mình Phật là Thế Tôn, cho nên sinh nghi.

Nội viết: Phật biết thật tướng của các pháp một cách sáng suốt không có ngăn ngại, lại có thể nói về pháp thanh tịnh sâu xa, cho nên gọi một mình Phật là Thế Tôn.

Ngoại viết: Các Đạo sư khác cũng có thể biết rõ tướng của các pháp, cũng có thể nói pháp tịnh sâu xa. Như đệ tử của Ca-tỳ-la tụng kinh Tăng Khư: Nói về biệt tướng và tổng tướng của các pháp thiện. Ở trong giác phần tịnh của hai mươi lăm đế gọi là pháp thiện. Đệ tử của Ưu-lâu-ca tụng kinh Vệ Thế Sư nói về sáu đế. Trong đế Câu-na, mỗi ngày tụng gọi ba lần, lại cúng dường hòa hợp: như lửa..., sinh pháp thiện phần thân. Đệ tử của Lạc Sa Bà tụng kinh Ni Kiền Tử nói về năm nhiệt đốt thân, hành pháp thọ khổ như nhổ tóc v.v... gọi là pháp thiện. Lại có các sư tự hành pháp nhịn đói, lao mình xuống hầm lửa, tự lao mình xuống vực từ đỉnh núi cao, thường đứng lặng mãi, trì giới bờ... gọi là pháp thiện. Như vậy đều gọi là pháp tịnh sâu xa. Vì sao nói chỉ một mình Phật có thể thuyết?

Nội viết: Đó là tà kiến, vì che lấp chánh kiến nên không thể nói pháp tịnh sâu xa. (Việc này về sau sẽ nói rộng).

Ngoại viết: Phật nói những gì là tướng pháp thiện?

Nội viết: Dừng việc ác, hành pháp thiện. Phật lược thuyết hai loại pháp thiện là tướng chỉ và tướng hành. Dứt tất cả việc ác gọi là tướng chỉ, tu tất cả thiện gọi là tướng hành. Những gì là ác? Thân, khẩu, ý hành tà. Thân hành sát, đạo, dâm, khẩu vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ, ý hành tham, sân nã, tà kiến. Lại có mười đạo bất thiện, không phải chỗ bày về roi gậy, trói buộc ... và mười đạo bất thiện trước sau có vô số tội, đó gọi là ác. Những gì là chỉ? Là dừng chỉ việc ác không làm, hoặc tâm sinh, hoặc miệng nói, hoặc thọ giới, từ nay về sau trọn không còn tạo tác nữa gọi là chỉ. Những gì là thiện? Là thân hành chánh, khẩu hành chánh, ý hành chánh. Thân chấp tay nghinh tiễn, lễ kính... Miệng nói lời thật, lời hòa hợp, lời dịu dàng, lời lợi ích. Ý từ bi, chánh kiến... nhiều loại pháp thanh tịnh như vậy gọi là pháp thiện. Những gì là hành? Là ở trong pháp thiện ấy luôn luôn tu tập, đó gọi là hành.

Ngoại viết: Kinh ông có lỗi, vì bắt đầu không tốt. Các sư tạo kinh pháp, ban đầu thuyết tốt, nghĩa vị dễ hiểu, pháp âm rộng khắp. Nếu người trí đọc tụng, nhớ biết liền được tôn trọng oai đức, tuổi thọ được tăng, như có kinh gọi là Bà-la-ha-ba-đế (Đời Tần gọi là kinh Quảng chủ). Những kinh như vậy ban đầu đều nói tốt, vì bắt đầu tốt nên ở giữa

và sau cùng cũng tốt. Kinh ông vì bắt đầu nói ác nên không tốt, là vì lời kinh ông có lỗi.

Nội viết: Không đúng. Vì đoạn trừ tà kiến nên nói là kinh, là tốt, là không tốt. Đây là khí chất của tà kiến cho nên không lỗi. Lại nữa, vì không tốt, hoặc có ít sự tốt, nên chỗ bắt đầu của kinh phải nói tốt, đó thật sự là không tốt. Vì sao? Vì một việc này, đây cho là tốt, kia cho là không tốt, hoặc cho là không phải tốt, không phải là không tốt, vì là bất định nên không có pháp tốt. Ông là kẻ ngu không có phương tiện, ham muốn mạnh cầu vui, vọng sinh tưởng nhớ, nói việc này tốt, việc này không tốt. Lại nữa, vì mình và người và chung cả hai đều không thể đạt được nên, pháp tốt này không thể tự sinh. Vì sao? Vì không có một pháp nào từ chính mình sinh ra, cũng là lỗi của hai tướng: một là sinh, hai là chủ thể sinh, cũng không từ cái khác sinh, vì tự tướng không, tha tướng cũng không. Lại nữa, vì vô cùng, do sinh lại có sinh, cũng không cùng sinh vì cả hai đều có lỗi. Pháp sinh thường có ba loại: tự, tha, cộng. Trong ba loại này, tìm cầu không thể đạt được, cho nên không có việc tốt.

Ngoại viết: Vì việc tốt này tự sinh như muối, ví như tự tánh của muối là mặn, có thể làm cho các vật khác đều mặn, sự tốt này cũng như vậy. Tự tánh tốt có thể làm cho các việc khác đều tốt.

Nội viết: Vì trước đã phá bỏ. Cũng như tướng của muối trú trong muối, trước tôi phá không có pháp do tự tánh sinh. Lại nữa, ý ông cho muối là từ nhân duyên sinh ra, cho nên muối không phải tự tánh mặn. Tôi không chấp nhận lời ông nói. Nay sẽ dùng lời ông để trở lại phá bỏ chỗ ông nói. Tuy muối do vật khác hòa hợp, nhưng vật ấy không phải là muối, vì tướng của muối trú trong muối. Ví như tướng bò không phải là tướng ngựa.

Ngoại viết: Như đèn, ví như đèn đã chiếu tự nó, cũng có thể chiếu vật khác. Sự tốt cũng như vậy, tự tốt cũng có thể làm cho sự không tốt được tốt.

Nội viết: Vì tự thân và chỗ khác của đèn là không tối nên tự thân của đèn không tối. Vì sao? Vì sáng, tối không cùng nhau. Đèn cũng không là chủ thể chiếu không có thể chiếu, vì cũng có lỗi của hai tướng: một là chủ thể chiếu, hai là nhận sự chiếu. Cho nên đèn không tự chiếu chỗ của đối tượng được chiếu cũng không tối, cho nên không thể chiếu cái khác. Vì phá trừ sự tối tăm nên gọi là chiếu, không tối tăm có thể phá trừ nên chẳng phải là chiếu.

Ngoại viết: Lúc mới sinh, cả hai cùng chiếu, tôi không nói đèn

trước sinh mà sau mới chiếu. Lúc mới sinh tự chiếu, cũng có thể chiếu vật khác.

Nội viết: Không đúng. Vì tướng có, không của một pháp là không thể đạt được. Lúc mới sinh gọi là sinh một nửa, một nửa chưa sinh. Sinh không thể chiếu, như trước đã nói, hướng gì chưa sinh mà có thể có chỗ chiếu. Lại nữa, tại sao một pháp cũng là tướng có cũng là tướng không? Lại nữa, vì không đến chỗ tối, đèn hoặc đã sinh, hoặc chưa sinh đều không đến chỗ tối, vì tánh trái nhau. Nếu đèn không đến chỗ tối, làm sao có thể phá trừ tối tăm.

Ngoại viết: Vì như chú các sao, nếu chú từ xa khiến cho người ở xa có thể sinh phiền não, cũng như sao biến trên trời, khiến con người không thể diễn nói. Đèn cũng như vậy, tuy không đến chỗ tối tăm nhưng có thể phá trừ tối tăm.

Nội viết: Vì vượt quá sự thật. Nếu đèn có sức chiếu sáng, không đến chỗ tối tăm mà có thể phá trừ sự tối tăm, sao không đốt đèn Thiên Trúc để phá sự tối tăm ở Chấn Đán? Như sức của chú các sao có thể đến với khoảng cách xa mà đèn thì không như vậy. Cho nên ví dụ của ông chẳng đúng. Lại nữa, nếu bắt đầu tốt thì chỗ khác không tốt. Nếu kinh bắt đầu nói tốt, thì chỗ khác phải không tốt. Nếu chỗ khác cũng tốt thì lời ông nói ban đầu tốt là vọng ngữ.

Ngoại viết: Vì ban đầu tốt nên chỗ khác cũng tốt, vì sức của tốt ban đầu nên chỗ khác cũng tốt.

Nội viết: Vì nhiều sự không tốt nên tốt là không tốt. Kinh của ông ban đầu nói tốt tức nhiều chỗ không tốt. Vì nhiều chỗ không tốt nên sự tốt là chẳng phải tốt.

Ngoại viết: Như vôi voi. Ví như voi có vôi nên gọi là có vôi, không lấy phần có mắt, tai, đầu... mà gọi là có mắt, tai, đầu. Như thế là dùng phần ít sức tốt nên khiến cho nhiều sự không tốt là tốt.

Nội viết: Không đúng, vì chẳng phải lỗi ở voi. Nếu voi khác với vôi, đầu, chân... cũng khác, như vậy thì không phải voi khác. Nếu trong một phần có đủ các phần, tại sao trong đầu không có chân. Như trong phẩm Phá dị nói, nếu voi với vôi không khác thì cũng không có voi riêng khác. Nếu có phần này với phần kia không khác thì đầu phải là chân, vì hai phần ấy cùng với voi không khác. Như trong phẩm Phá nhất nói: Việc tốt như vậy, rất nhiều nhân duyên, tìm cầu không thể đạt được. Tại sao nói: Vì ban đầu tốt nên ở giữa và sau cũng tốt.

Ngoại viết: Ác dừng, là dừng vi diệu, tại sao không ở ban đầu?

Nội viết: Hành giả trước cần phải biết ác, sau đó mới có thể chỉ

(dừng) cho nên trước ác sau chỉ.

Ngoại viết: Hành thiện cần phải ở ban đầu, vì có quả diệu. Các pháp thiện có quả diệu. Hành giả vì muốn đắc quả diệu nên dừng ác. Như vậy nên trước nói hành thiện, sau nói dừng ác.

Nội viết: Vì pháp tuần tự nên trước trừ cấu thô, tiếp trừ cấu tế. Nếu hành giả không dừng ác thì không thể tu thiện, cho nên trước trừ cấu thô, sau đó hành pháp thiện. Như nhuộm áo, trước phải tẩy giặt vết nhơ, sau đó mới nhuộm.

Ngoại viết: Đã nói dừng ác, không nên lại nói hành thiện.

Nội viết: Vì hành thiện như bố thí v.v... Bố thí là hành thiện, chẳng phải là dừng ác. Lại nữa, như Đại Bồ-tát, trước ác đã dừng lắng, hành bốn tâm vô lượng, bảo hộ mạng sống người khác, thương xót chúng sinh, đó là hành thiện chẳng phải dừng ác.

Ngoại viết: Bố thí là dứt pháp keo kiệt, cho nên bố thí là dừng bỏ việc ác.

Nội viết: Không đúng. Vì nếu vậy không bố thí liền trở thành người ác và các người không bố thí đều phải có tội. Lại nữa, các vị lậu tận đã dứt hết tham lam, keo kiệt thì lúc bố thí dừng việc ác gì? Hoặc có người tuy hành bố thí mà tâm keo kiệt không dừng, dẫu có thể dừng nhưng dùng hành thiện làm gốc, cho nên bố thí là hành thiện.

Ngoại viết: Đã nói hành thiện, không nên nói dừng ác. Vì sao? Vì ác dừng là do hành thiện.

Nội viết: Tương chỉ là dứt, tương hành là tạo tác. Vì tánh trái ngược nhau, cho nên nói hành thiện không bao gồm dừng ác.

Ngoại viết: Việc này thật như vậy, tôi không nói dừng ác và hành thiện là một tướng, nhưng dừng ác tức là pháp thiện. Cho nên nếu nói hành thiện thì không nên nói lại là dừng ác.

Nội viết: Nên nói dừng ác, hành thiện. Vì sao? Vì dừng ác gọi là lúc thọ giới dừng ngay các việc ác. Hành thiện gọi là tu tập pháp thiện. Hoặc chỉ nói phước hành thiện, không nói sự đình chỉ việc ác. Nghĩa là có người thọ giới đình chỉ việc ác, hoặc tâm bất thiện, hoặc tâm vô ký, vì lúc này không hành thiện nên không tương ứng có phước. Lúc này vì đình chỉ ác cũng có phước cho nên phải nói dừng ác, cũng nên nói hành thiện. Pháp dừng ác, hành thiện này, tùy theo mỗi chúng sinh mà Phật phân biệt thành ba hạng người: thượng, trung, hạ và ba loại hành: thí, giới, trí. Người hạ trí dạy hành bố thí, người trung trí dạy hành trì giới, bậc thượng trí dạy hành trí tuệ. Bố thí là xả tài vật tương ứng với tư và khởi thân, khẩu, ý làm lợi ích người khác. Trì giới là hoặc miệng nói,

hoặc tâm sinh, hoặc thọ giới. Từ nay về sau không làm ba thứ hạnh tà của thân, bốn loại hạnh tà của miệng nữa. Trí tuệ gọi là trong tướng của các pháp, tâm định bất động. Vì sao nói lợi ích sai khác là thượng, trung, hạ? Bồ thí là lợi ích ít, đó gọi là hạ trí. Trì giới là lợi ích bậc trung nên gọi là trung trí. Trí tuệ tạo lợi ích rất nhiều nên gọi là thượng trí. Lại nữa, bồ thí có quả báo bậc hạ, trì giới có quả báo bậc trung, trí tuệ có quả báo bậc thượng, cho nên nói trí thượng, trung, hạ.

Ngoại viết: Người bồ thí đều là kẻ hạ trí phải không?

Nội viết: Không đúng. Vì sao? Bồ thí có hai loại: một là bất tịnh, hai là tịnh hạnh. Người bồ thí bất tịnh gọi là người hạ trí.

Ngoại viết: Vì sao gọi là bất tịnh thí?

Nội viết: Vì quả báo mà bồ thí là bất tịnh như việc trao đổi ở chợ. Quả báo có hai loại là hiện báo và hậu báo. Hiện báo là danh xưng, ái kính..., hậu báo là đời sau được giàu có..., đó gọi là bất tịnh thí. Vì sao vậy? Vì muốn được hoàn trả. Ví như có khách mua bán ở xa đi đến phương khác, tuy mang theo nhiều vật có giá trị, nhưng chẳng có lòng thương mọi người, vì chỉ cầu lợi mình nên nghiệp này bất tịnh. Bồ thí cầu quả báo cũng lại như vậy.

Ngoại viết: Những gì gọi là tịnh thí?

Nội viết: Nếu người vì yêu thích kính mộ làm lợi ích cho người khác, không cầu quả báo đời này, đời sau, như các Bồ-tát và các Thượng nhân hành bồ thí thanh tịnh thì đó gọi là tịnh thí.

Ngoại viết: Trì giới đều là người trung trí phải không?

Nội viết: Không đúng. Vì sao? Trì giới có hai loại: một là bất tịnh, hai là tịnh. Người trì giới bất tịnh gọi là người trung trí.

Ngoại viết: Những gì là trì giới bất tịnh?

Nội viết: Trì giới cầu quả báo vui là vì dâm dục. Như che dấu tướng. Quả báo vui có hai loại: một là sinh thiên, hai là giàu có trong cõi người. Hoặc trì giới cầu sinh lên cõi trời, vui sướng cùng Thiên nữ, hoặc ở trong cõi người thọ năm dục lạc, sở dĩ như vậy là vì dâm dục. Như người che dấu tướng nghĩa là, bên trong ham muốn sắc kẻ khác, bên ngoài giả bộ thân thiện, đó gọi là trì giới bất tịnh. Như Tôn giả Anan nói với Tôn giả Nan-đà:

*Như loài dê xúc chạm
Trước dẫn nhau, lại đi
Ông vì dục trì giới
Việc ấy cũng như vậy
Thân tuy hay trì giới*

*Tâm bị dục dẫn dắt
Nghiệp ấy không thanh tịnh
Giới này đâu ích gì.*

Ngoại viết: Những gì gọi là trì giới thanh tịnh?

Nội viết: Hành giả niệm như vậy: Tất cả pháp thiện, giới là căn bản. Người trì giới thì tâm không hối tiếc, không hối tiếc thì luôn hoan hỷ, hoan hỷ thì tâm an lạc, tâm an lạc thì được nhất tâm, nhất tâm thì sinh trí thật, sinh trí thật thì được chán lìa, chán lìa thì được ly dục, ly dục thì được giải thoát, giải thoát tức được Niết-bàn, đó gọi là trì giới thanh tịnh.

Ngoại viết: Nếu bậc thượng trí như Uất-đà-la-già, A la la... là người hành trí tuệ trên hết, đó là thượng trí. Nay các ngoại đạo như Uất-đà-la-già, A la la... phải là người thượng trí.

Nội viết: Không đúng. Vì sao? Trí cũng có hai loại: một là bất tịnh, hai là tịnh.

Ngoại viết: những gì là trí bất tịnh?

Nội viết: Vì bị thế giới ràng buộc nên là bất tịnh. Như oán đến người thân, trí thế gian có thể tăng trưởng sinh tử. Vì sao? Vì trí này trở lại ràng buộc. Ví như oan gia, mới đầu giả bộ thân cận, lâu ngày mới sinh oán hại, trí thế gian cũng như vậy.

Ngoại viết: Chỉ trí này có thể tăng trưởng sinh tử, bố thí, trì giới cũng như vậy chẳng?

Nội viết: Năm giữ phước, xả bỏ việc ác là pháp hành, phước gọi là phước báo.

Ngoại viết: Nếu phước gọi là phước báo thì vì sao trong kinh chỉ nói phước?

Nội viết: Phước gọi là nhân, phước báo gọi là quả. Hoặc nói nhân là quả, hoặc nói quả là nhân. Trong đây nói nhân là quả. Ví như thức ăn giá đáng ngàn vàng, nhưng vàng không thể ăn, nhờ có vàng mà được thức ăn nên gọi là thức ăn vàng. Lại như thấy người vẽ mà nói là khéo tay, vì nhờ tay mới vẽ được nên gọi là khéo tay. Năm giữ gọi là vương mắc, vương mắc phước báo ác, như trước đã nói. Hành gọi là dẫn dắt người thường đi trong sinh tử.

Ngoại viết: Những gì gọi là pháp không hành?

Nội viết: Cùng xả, “Cùng” gọi là phước báo, tội báo. Xả gọi là tâm không vương mắc, tâm không vương mắc phước báo, không qua lại trong năm đường, đó gọi là pháp không hành.

Ngoại viết: Phước không nên xả, vì quả báo vi diệu nên cũng

không nói nhân duyên. Vì các quả báo của phước vi diệu nên tất cả chúng sinh thường cầu quả diệu. Vì sao có thể xả? Lại như Phật dạy: Các Tỳ kheo! Đối với phước, chớ nên sợ hãi. Nay ông lại không nói nhân duyên, vì thế không nên xả phước.

Nội viết: Khổ lúc phước diệt, phước gọi là phước báo, diệt gọi là hoại mất. Lúc phước báo diệt thì xa lìa việc an vui, sinh ưu khổ lớn. Như Phật nói: Lúc lạc thọ sinh lạc. Lúc lạc trú sinh lạc. Lúc lạc diệt sinh khổ. Cho nên cần xả phước. Lại như Phật dạy: Đối với phước, chớ nên sợ hãi nghĩa là nên hành trợ đạo. Cho nên như lời Phật dạy: phước hãy còn nên xả huống gì là tội?

Ngoại viết: Vì tội, phước trái nhau. Ông nói khổ lúc phước diệt, thì lúc tội sinh và trú nên lạc.

Nội viết: Khổ lúc tội trú, tội gọi là tội báo, khổ lúc tội báo sinh, huống gì là lúc trú. Như Phật nói: Khổ lúc khổ thọ sinh, lúc trú thì khổ, lúc diệt thì vui. Ông nói vì tội và phước trái nhau, lúc tội sinh cần phải vui, nay sẽ đáp: sao ông không nói vì tội, phước trái nhau nên lúc tội diệt thì vui, lúc tội sinh và trú thì khổ?

Ngoại viết: vì Phước thường hằng không có nhân duyên xả nên không phải xả. Ông nói về nhân duyên xả phước, lúc phước diệt thì khổ, nay đương trong phước báo, không có diệt để khổ nên không phải xả. Như kinh nói: Có thể dùng ngựa để cúng tế, người này vượt qua lão, tử suy kém chỗ phước báo thường sinh là thường hằng, phước này không nên xả.

Nội viết: Phước nên xả, vì hai tướng. Phước này có hai tướng: Phước có thể cho vui, có thể cho khổ. Như lúc ăn uống các thứ tạp độc, lúc thức ăn ngon sắp tiêu thì khổ phước cũng như vậy.

Lại nữa, có phước báo là nhân của vui, thọ nhận nhiều là nhân của khổ. Ví như gần lửa, hết lạnh thì được vui, chuyển đến gần đốt thân thì khổ. Cho nên phước có hai tướng, vì hai tướng nên vô thường, do đó nên xả.

Lại như ông nói cúng tế ngựa... được phước báo thường hằng, chỉ là ngôn thuyết, không có nhân duyên. Phước báo của việc cúng tế ngựa thật ra là vô thường. Vì sao? Vì nhân duyên của nghiệp cúng tế chỉ có hạn, nhân của thế gian nếu có hạn thì quả cũng có hạn. Như việc nặn viên đất sét nhỏ thì chiếc bình cũng nhỏ. Cho nên vì nghiệp cúng tế ngựa có hạn lượng nên vô thường.

Lại nữa, nghe cõi trời của ông có sân khuể, vì cùng tranh chấp, náo hại nhau nên không phải thường hằng. Lại nữa, nghiệp cúng tế

ngựa của ông, vì từ nhân duyên sinh nên đều vô thường. Lại nữa, phước tịnh hữu lậu vì vô thường nên hãy còn phải xả, huống gì là tội, phước xen lẫn nhau. Như trong nghiệp cúng tế ngựa, có tội giết hại... Lại nữa, như kinh Tăng Khư nói: Pháp cúng tế có tướng bất tịnh, vô thường, hơn thua, do đó nên xả.

Ngoại viết: Nếu xả phước thì không nên tạo phước. Nếu phước ắt phải xả thì xưa không nên tạo. Sao có người trí uổng phí làm việc khổ sở như vậy? Ví như thợ gốm làm đồ dùng rồi lại phá bỏ.

Nội viết: vì pháp tuần tự sinh ra đạo. Như chiếc áo dơ được giặt, nhuộm. Chiếc áo dơ, trước phải giặt sau đó làm sạch, mới nhuộm, nên giặt và làm sạch không là uổng phí. Vì sao? Vì tuần tự theo cách nhuộm, vì áo như không ăn màu nhuộm. Như vậy là trước tiên trừ tội như, tiếp theo dùng phước đức huân tập tâm, sau đó thọ nhận nhuộm đạo Niết- bàn.

Ngoại viết: Xả phước nương vào những gì? Nương vào phước xả ác, nương vào sự gì để xả phước?

Nội viết: vô tướng là tối thượng, chấp lấy phước là sinh trong cõi trời, người, chấp lấy tội là sinh trong ba đường ác. Cho nên trí tuệ vô tướng là tối đệ nhất. Vô tướng là không nhớ nghĩ tất cả tướng, xa lìa tất cả thọ, tâm quá khứ, vị lai, hiện tại, không hề vướng mắc, vì tự tánh của tất cả pháp không có thì không có chỗ nương tựa ấy gọi là vô tướng. Vì do phương tiện này nên có thể xả phước. Vì sao? Trừ loại thứ nhất trong ba loại môn giải thoát thì lợi ích không thể có được. Như Phật dạy: Các Tỳ kheo! Nếu có người nói: Ta không dùng Không, Vô tướng, Vô tác nhằm chứng đắc, hoặc biết, hoặc thấy, không có tăng thượng mạn, người này chỉ nói suông không có thật.
